TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2020/DS-ST
Ngày: 24-02-2020
V/v: Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đức Dũng.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đinh Hữu Cải;

2. Bà Nguyễn Thị Thay.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Quyên, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 20 tháng 02 năm 2020 và ngày 24 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 362/2019/TLST-DS ngày 21 tháng 10 năm 2019 về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2020/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 01 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Thương mại Dịch vụ Cao su Phong P; địa chỉ: Tổ 15, ấp 4, xã Suối N, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Âu Thanh P1, sinh năm 1984; chức vụ: Giám đốc; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đỗ Thị M, sinh năm 1962; địa chỉ: Tổ 4, ấp 4, xã Suối D, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh (văn bản ủy quyền ký ngày 14/10/2019); có mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Trần Minh T, sinh năm 1966; hộ khẩu thường trú: Tổ 5, ấp 4, xã Suối D, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh; tạm trú: Tổ 5, ấp 6, xã Suối N, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

2.2. Bà Nguyễn Bạch T1, sinh năm 1966; địa chỉ: Tổ 5, ấp 4, xã Suối D, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14-10-2019 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Đỗ Thị M trình bày:

Ngày 22-5-2019, Công ty Trách nhiệm Hữu Hạn Thương mại Dịch vụ Cao su Phong P (từ đây viết tắt là Công ty Cao su Phong P) có ký hợp đồng với ông Trần Minh T để mua mủ cao su mùa vụ năm 2019 ước tính mủ nước QK TSC là 400 tấn, mủ tạp: 50 tấn.

Công ty Cao su Phong P đã ứng tiền cho ông T là 415.000.000 đồng, ông T có ký giấy nhận nợ, toàn bộ số tiền này giao cho ông T, bà T1 không có mặt, mục đích để đảm bảo thanh toán cho ông T mỗi đợt mua mủ 10 ngày/ 1 lần, thỏa thuận sau ngày 31-12-2019, nếu ông T không tái ký hợp đồng mua mủ cao su hoặc chưa đến ngày 31-12-2019 ông T không giao mủ cao su thì số tiền 415.000.000 đồng ông T phải trả lại cho Công ty Cao su Phong P.

Đến ngày 11-9-2019, ông T ngưng giao mủ cao su cho Công ty Cao su Phong P. Do bà T1 và ông T là vợ chồng và việc mua bán mủ cao su này con ông T có đi phụ nên nay Công ty Cao su Phong P khởi kiện yêu cầu vợ, chồng ông Trần Minh T, bà Nguyễn Bạch T1 có nghĩa vụ trả cho Công ty Cao su Phong P số tiền 415.000.000 đồng và không yêu cầu tính tiền lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ và tống đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn ông Trần Minh T nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do nên không có ý kiến.

Bị đơn bà Nguyễn Bạch T1 trình bày:

Bà và ông Trần Minh T chung sống với nhau từ năm 1985, không đăng ký kết hôn và chưa đến Tòa án giải quyết ly hôn. Từ năm 1989 đến năm 2007, ông T có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác và bỏ nhà đi. Từ năm 2007 đến năm 2010, ông T quay về lại sống chung với bà và bà đăng ký cho ông T nhập sổ hộ khẩu nhà bà. Từ năm 2010 đến năm 2016, ông T đi mua mủ cao su ở xã Suối N, huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh, thỉnh thoảng có về thăm nhà.

Đến năm 2017, bà phát hiện ông T tiếp tục có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nên 02 vợ, chồng sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay. Trong khoảng thời gian này, bà có đến gặp ông T chỉ một lần ở xã Suối N vào khoảng tháng 3, tháng 4-2018 để yêu cầu ông T ký giấy ủy quyền cho bà vay tiền tại Ngân

hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam, chi nhánh Tân C, ngoài lần gặp này thì vợ, chồng bà không gặp nhau lần nào nữa.

Nay bà không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty Cao su Phong P, lý do vì bà và ông T trên danh nghĩa là vợ, chồng nhưng đã sống ly thân 03 năm, tiền ai làm ra người đó sử dụng và khi Công ty Cao su Phong P ký hợp đồng và giao tiền cho ông T thì bà và gia đình hoàn toàn không biết và ông T không đưa số tiền 415.000.000 đồng đã ứng của Công ty Cao su Phong P để lo cho vợ con.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Hội đồng xét xử, Thẩm phán và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; riêng bị đơn ông Trần Minh Tuấn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần mà vẫn cố tình vắng mặt không có lý do nên đã từ bỏ quyền lợi của mình.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 430 của Bộ luật Dân sự; Điều 45 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cao su Phong P đối với ông Trần Minh T về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Buộc ông Trần Minh T có nghĩa vụ trả cho Công ty Cao su Phong P số tiền 415.000.000 đồng, ghi nhận Công ty Cao su Phong P không yêu cầu tính tiền lãi; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cao su Phong P yêu cầu bà Nguyễn Bạch T1 có nghĩa vụ liên đới cùng ông Trần Minh T trả số tiền 415.000.000 đồng; về án phí: Ông Trần Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh luận công khai tại phiên Toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Trần Minh T là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn cố tình vắng mặt, không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt ông T.

[2] Về nội dung: Công ty Cao su Phong P khởi kiện yêu cầu vợ, chồng ông Trần Minh T, bà Nguyễn Bạch T1 có nghĩa vụ trả cho Công ty Cao su Phong P số tiền 415.000.000 đồng và không yêu cầu tính tiền lãi. Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1.] Ngày 22-5-2019, Công ty Cao su Phong P ký hợp đồng mua bán mủ cao su nước và tạp với ông T mùa vụ năm 2019 (BL số 52). Ông T đã ứng của Công ty Cao su Phong P số tiền 415.000.000 đồng và có ký giấy nhận nợ (BL số 51), mục đích để đảm bảo thanh toán cho ông T mỗi đợt mua mủ 10 ngày/ 1 lần, thỏa thuận sau ngày 31-12-2019, nếu ông T không tái ký hợp đồng mua mủ cao su hoặc chưa đến ngày 31-12-2019 ông T không giao mủ cao su thì số tiền 415.000.000 đồng ông T phải trả lại cho Công ty Cao su Phong P.

[2.2.] Đến ngày 11-9-2019, ông T ngưng giao mủ cho Công ty Cao su Phong P là vi phạm hợp đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T không đến Tòa án làm việc, nên không có ý kiến. Do đó, Công ty Cao su Phong P khởi kiện yêu cầu ông T có nghĩa vụ trả cho Công ty Cao su Phong P số tiền 415.000.000 đồng là có căn cứ được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận Công ty Cao su Phong P không yêu cầu tính tiền lãi.

[2.3] Xét yêu cầu của Công ty Cao su Phong P yêu cầu bà T1 có nghĩa vụ liên đới cùng ông T trả số tiền 415.000.000 đồng, Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà T1 và ông T chung sống với nhau như vợ, chồng từ năm 1985, không đăng ký kết hôn nhưng chung sống trước ngày 03-01-1987 nên vẫn được xem là hôn nhân thực tế. Xét trong quá trình chung sống thì bà T1 và ông T sống ly thân nhiều lần và lần ly thân cuối cùng là từ năm 2017 cho đến nay. Ngày 22-5-2019, ông T ký hợp đồng mua bán mủ cao su và ứng của Công ty Cao su Phong P 415.000.000 đồng là trong thời gian vợ, chồng sống ly thân và không vì nhu cầu của gia đình. Do giao dịch do một mình ông T xác lập, thực hiện không vì nhu cầu của gia đình nên căn cứ Điều 45 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của Công ty Cao su Phong P yêu cầu bà T1 có nghĩa vụ liên đới cùng ông T trả số tiền 415.000.000 đồng.

[3] Từ những phân tích trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của Công ty Cao su Phong P đối với ông T về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Buộc ông T có nghĩa vụ trả cho Công ty Cao su Phong P số tiền 415.000.000 đồng, ghi nhận Công ty Cao su Phong P không yêu cầu tính tiền lãi; không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cao su Phong P yêu cầu bà T1 có nghĩa vụ liên đới cùng ông T trả số tiền 415.000.000 đồng.

[4] Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 09/2019/QĐ-BPKCTT, ngày 24-10-2019 của Tòa án nhân dân huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh tiếp tục có hiệu lực cho đến khi có quyết định khác thay thế.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Công ty Cao su Phong P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 430 của Bộ luật Dân sự; Điều 45 của Luật Hôn nhân và gia đình; các Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của Công ty Trách nhiệm Hữu Hạn Thương mại Dịch vụ Cao su Phong P đối với ông Trần Minh T về tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản. Buộc ông Trần Minh T có nghĩa vụ trả cho Công ty Trách nhiệm Hữu Hạn Thương mại Dịch vụ Cao su Phong P số tiền 415.000.000 đồng (bốn trăm mười lăm triệu đồng), ghi nhận Công ty Trách nhiệm Hữu Hạn Thương mại Dịch vụ Cao su Phong P không yêu cầu tính tiền lãi.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Trách nhiệm Hữu Hạn Thương mại Dịch vụ Cao su Phong P yêu cầu bà Nguyễn Bạch T1 có nghĩa vụ liên đới cùng ông Trần Minh T trả số tiền 415.000.000 đồng (bốn trăm mười lăm triệu đồng).

2. Kể từ ngày Công ty Trách nhiệm Hữu Hạn Thương mại Dịch vụ Cao su Phong P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Trần Minh T chưa thi hành xong số tiền trên, thì ông Trần Minh T còn phải trả tiền lãi theo mức lãi suất được quy định theo khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 09/2019/QĐ-BPKCTT, ngày 24-10-2019 của Tòa án nhân dân huyện Tân C, tỉnh Tây Ninh tiếp tục có hiệu lực cho đến khi có quyết định khác thay thế.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Ông Trần Minh T phải chịu 20.600.000 đồng (hai mươi triệu, sáu trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

4.2. Công ty Trách nhiệm Hữu Hạn Thương mại Dịch vụ Cao su Phong P không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả lại cho Công ty Trách nhiệm Hữu Hạn Thương mại Dịch vụ Cao su Phong P 10.300.000 đồng (mười triệu, ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0015954, ngày 21-10-2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Đức Dũng

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Tân Châu;
- Chi cục THADS huyện Tân Châu;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;